

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2500/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định 89/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDs ngày 04/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-BKHĐT ngày 09/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án tại Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021- 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Giao Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);
- Lưu: VT, CNTT. *A.03*

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng
Nguyễn Chí Dũng

KẾ HOẠCH CHUYÊN ĐỀ SỐ NĂM 2025 CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2500/QĐ-BKHĐT
ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

Căn cứ kết quả thực hiện các nhiệm vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2024

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ

- *Nền tảng Quản trị số tổng thể*: 100% đơn vị ứng dụng.
- *Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành*: 100% văn bản trao đổi có sử dụng chữ ký số, hồ sơ công việc tại cấp Bộ được xử lý trên môi trường mạng đối với các nội dung không chứa bí mật nhà nước.
- *Hệ thống Quản lý cán bộ, công chức, viên chức*: 100% hồ sơ cán bộ được lưu trữ trên CSDL và cập nhật thông tin phát sinh.
- *Hệ thống thư điện tử*: 100% công chức, viên chức, lao động hợp đồng và các đơn vị ứng dụng.
- *Hệ thống theo dõi nhiệm vụ*: 100% nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ được theo dõi, cập nhật.
- *Kho dữ liệu tập trung*: Thực hiện tích hợp các dữ liệu hiện có từ các hệ thống của Bộ.
- *Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung*¹: Đã triển khai Hệ thống phần mềm phân tích, hiển thị chỉ số, thực hiện phân tích các dữ liệu đầu tư công, đầu tư nước ngoài, đấu thầu, thống kê.
- *Nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu dùng chung của Bộ*: Được sử dụng phục vụ tích hợp, chia sẻ thống nhất các thông tin dữ liệu giữa các hệ thống của Bộ với nhau và với các cơ quan, bộ ngành, địa phương.
- *Nền tảng họp trực tuyến*²: Đã triển khai, phục vụ các cuộc họp nội bộ, trong nước và quốc tế.
- *Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước*: Triển khai trong các lĩnh vực đầu tư công, giám sát đầu tư, đấu thầu, đăng ký kinh doanh,

¹ <https://hienthichiso.mpi.gov.vn>

² <https://lichhop.mpi.gov.vn>

đầu tư nước ngoài, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo, và trong An toàn, an ninh mạng.

- *Hệ thống điểm danh tích hợp*: Đã triển khai, phục vụ việc điểm danh tích hợp kiểm soát vào ra.

- *Phổ cập kỹ năng chuyển đổi số*: 100% công chức viên chức và người lao động được bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

- *Đánh giá chỉ số Chuyển đổi số của Bộ*: 100% các đơn vị được đánh giá kết quả chuyển đổi số năm 2023 và đã có thông báo gửi các đơn vị thuộc Bộ.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- *Nền tảng giải quyết thủ tục hành chính*: Cung cấp thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 và các hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính:

+ Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính trên Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các Hệ thống ứng dụng chuyên ngành.

+ Đã công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 2314/QĐ-BKHĐT ngày 23/12/2022).

+ 100% các thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình phải hoàn thành cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình và kết nối với Cổng dịch vụ công của Bộ theo thời gian thực. Chuyển đổi chia sẻ dữ liệu thông qua tích hợp dữ liệu của Bộ để quản lý thống nhất và đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

+ 100% DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến; 99,5% hồ sơ được xử lý trực tuyến.

+ 94,4% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp, cho phép thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- *Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp*: kết nối với Hệ thống của Chính phủ, đảm bảo tiếp nhận 100% thông tin phản ánh của người dân, doanh nghiệp và chuyển cho các đơn vị liên quan để giải quyết. Công bố 100% thông tin phản hồi đảm bảo người dân, doanh nghiệp tiếp cận được thông tin.

- *Truyền thông điện tử*: Thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.

- *Nền tảng trợ lý ảo*: Được triển khai tích hợp vào các hệ thống thông tin: Cổng thông tin quốc gia về giám sát và đánh giá đầu tư; Chuyên trang chuyển đổi số của Bộ; Hệ thống văn bản pháp luật của Bộ;...

- *Công dữ liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư*: Cung cấp các dữ liệu theo Quyết định số 1814/QĐ-BKHĐT và Quyết định số 1349/QĐ-BKHĐT ngày 02/8/2023.

- *Hệ thống thông tin quốc gia về Quy hoạch*³: Đã được xây dựng tại địa chỉ <https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn> nhằm đáp ứng các nhu cầu ban đầu của công tác lập, thẩm định, công khai quy hoạch trong thời kỳ mới. Đang tiếp tục triển khai xây dựng và hoàn thiện Hệ thống.

- *Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số*:

+ Đã hoàn thiện, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách về hỗ trợ kinh phí đào tạo, tư vấn, thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp tại các Thông tư hướng dẫn. Đây là những căn cứ pháp lý mang tính chất nền móng và là căn cứ pháp lý để các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp có thể sử dụng nguồn lực của mình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

+ Đã tổ chức xây dựng Công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, các tài liệu hướng dẫn CDS cho doanh nghiệp nói chung và ở các lĩnh vực như sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, chế biến và phân phối thực phẩm, vận tải và logistics,...

+ Công tác hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số tiếp tục được triển khai theo hướng chuyển dịch từ nâng cao nhận thức trên diện rộng sang hỗ trợ chuyên sâu, hỗ trợ có trọng tâm trọng điểm theo các ngành lĩnh vực trên cơ sở huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước theo pháp luật về hỗ trợ DNVVV và nguồn lực quốc tế thông qua các dự án ODA và hợp tác từ khu vực tư cũng như sự nỗ lực của chính quyền địa phương.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các tổ chức quốc tế tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp, xây dựng, quản lý chuỗi cung ứng trong ngành nông nghiệp tại các tỉnh Nam Định, Bình Dương, Thanh Hoá... Các khóa đào tạo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lộ trình chuyển đổi số và áp dụng các giải pháp, công nghệ số nhằm cải tiến hiệu quả hoạt động sản xuất, chuẩn hóa quy trình, áp dụng chuyển đổi số quản lý tổng thể nhà máy. Hỗ trợ tư vấn 1-1 tại các doanh nghiệp để xây dựng giải pháp ứng dụng công nghệ cải tiến áp dụng vào quy trình quản trị, sản xuất của doanh nghiệp

- Ngoài ra, Bộ đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng mạng lưới tư vấn viên để phát triển hệ sinh thái số cho doanh nghiệp với khoảng 110 chuyên gia chuyển đổi số. Phối hợp với các dự án quốc tế tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ tư vấn viên theo tiêu chuẩn quốc tế. Bộ đã hoàn thiện và công bố Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp 2023⁴ với chủ đề “Thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”.

³ <https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn>

⁴ <https://digital.business.gov.vn/document/bao-cao-thuong-nien-chuyen-doi-so-2023-thuc-day-chuyen-doi-so-chuyen-doi-xanh/>

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cơ quan nhà nước

- *Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công*: 100% các bộ, ngành và địa phương lập, giao, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trên Hệ thống.

- *Hệ thống thông tin về giám sát và đánh giá đầu tư*: 100% bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty thực hiện báo cáo giám sát đầu tư trên Hệ thống.

- *Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ*⁵: Đã xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ và hoàn thành kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Kết quả gửi, nhận báo cáo: 56,4% (57/101 chỉ tiêu báo cáo) theo Quyết định số 293/QĐ-TTg; Điện tử hóa chế độ báo cáo: 100% (57/57 chỉ tiêu) theo Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê*: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin trong công tác thống kê; Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương.

- *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*: Đã xây dựng chức năng tổng hợp thông tin phục vụ việc giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Điều 124 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.”

4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- *Quy chế, quy định*: Kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh mạng tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1632/QĐ-BKHĐT ngày 02/10/2023. Quy chế quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng Hệ thống camera giám sát an ninh tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 312/QĐ-BKHĐT ngày 14/3/2024. Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bộ được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1318/QĐ-BKHĐT ngày 04/6/2024.

- *Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ*: 100% Các hệ thống thông tin được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án được phê duyệt:

+ Hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực và quản lý, điều hành nội bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm nhiều Hệ thống thành phần): cấp độ 2, 3 (Quyết định số 1678/QĐ-BKHĐT ngày 31/7/2024).

+ Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử (Quyết định số 1644/QĐ-BKHĐT ngày 04/10/2023).

⁵ <https://baocaodientu.mpi.gov.vn>

+ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: cấp độ 4 (Quyết định số 831/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2022).

+ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: cấp độ 4 (Quyết định số 815/QĐ-BKHĐT ngày 25/5/2020).

+ Hệ thống thông tin do Tổng cục Thống kê quản lý vận hành (bao gồm nhiều Hệ thống thành phần): cấp độ 2, 3 (Quyết định 942/QĐ-TCTK ngày 01/9/2021).

- *Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng*: 100% các Hệ thống được giám sát. Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giám sát với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- *Đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp (Theo Chỉ thị số 14 của TTg)*: Triển khai mô hình 4 lớp để tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng gồm có: Lực lượng tại chỗ; Tổ chức hoặc doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Tổ chức hoặc doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia.

- *Diễn tập ứng cứu sự cố, thực chiến*: Tham gia diễn tập ứng cứu sự cố, thực chiến do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức (ngày 29/8/2024) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng tại Bộ (tháng 10/2024).

- *Kiểm tra, đánh giá*: Phối hợp với Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử (Tổ công tác triển khai Đề án 06) kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư phục vụ kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh và xác thực điện tử năm 2024; Thực hiện kiểm tra định kỳ an toàn, an ninh mạng tại các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tại Bộ.

- *Tập huấn luyện, bồi dưỡng*:

+ Tổ chức tối thiểu 02 lớp đào tạo chuyên sâu đội ngũ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách an toàn, an ninh mạng và chuyên trách bảo vệ an ninh mạng. Phổ cập kỹ năng an toàn, an ninh mạng tới 100% công chức viên chức và người lao động.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đăng 68 bài trong chuyên mục An toàn thông tin của Hệ thống thông tin tổng thể của Bộ. Phổ cập kỹ năng an toàn, an ninh mạng tới 100% công chức viên chức và người lao động.

Đánh giá chung: Về cơ bản Bộ Kế hoạch và Đầu tư đạt được mục tiêu đã đặt ra trong năm 2024.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các bộ, ngành, địa phương.

a) Kết quả đạt được:

- Công tác Chuyển đổi số của Bộ được Lãnh đạo Bộ quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong thời gian qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Bộ, đặc biệt là Bộ trưởng, Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của Bộ, ngay từ ngày 29/12/2023 Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 2123/QĐ-BKHĐT phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tiếp theo đó, các văn bản triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại Bộ đã được ban hành: Văn bản số 3432/BKHĐT-CNTT ngày 06/5/2024 về việc triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2024 của UBQGCS; Văn bản số 7251/BKHĐT-CNTT ngày 10/9/2024 về việc triển khai Thông báo số 344/TB-VPCP về Thông báo Kết luận Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2024 về chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 của Chính phủ; Văn bản số 203/CNTT-THCS ngày 08/8/2024 của Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số về việc triển khai Thông báo số 203/TB-VPCP ngày 06/5/2024.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đôn đốc các nhiệm vụ trong Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông qua các các báo cáo hằng quý trước các Phiên họp của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Ngoài ra đối với các đơn vị trong Bộ, Bộ đã triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số và hoàn thành vào trước ngày 10/10 hằng năm.

b) Tồn tại, hạn chế:

10/31 đơn vị thuộc Bộ có điểm đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2023 dưới 80 điểm.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

- Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số:

+ *Nghị quyết cấp ủy về chuyển đổi số*: Đảng ủy cơ quan Bộ KH&ĐT đã ban hành Kế hoạch Thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động công tác đảng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 258-KH/ĐUBKHĐT.

+ *Kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số*: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020.

- Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2024:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2024 tại Quyết định số 1321/QĐ-BCĐCS ngày 05/6/2024 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Hoàn thiện quy định pháp lý, quy chế, kế hoạch:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành 01 Chiến lược⁶; 03 Kế hoạch⁷; 03 Quy chế⁸; Kiến trúc Chính phủ điện tử⁹.

- Nhiệm vụ “Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử”: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Văn bản số 8112/BKHĐT-PC ngày 29/9/2023 về kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Luật Giao dịch điện tử 2023 để phục vụ triển khai Đề án 06. Trong đó, tổng số văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát là 45 văn bản; số văn bản cần hoàn thiện phục vụ triển khai Đề án 06 là 01 văn bản¹⁰.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

Cơ bản tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng chương trình, kế hoạch đề ra.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC: 100% CBCC có máy tính
- Tỷ lệ các cơ quan trực thuộc có LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN: đạt 100%
- Tỷ lệ máy tính của CBCC được kết nối mạng không dây: đạt 100%
- *Trung tâm dữ liệu của Bộ*: đã được xây dựng từ năm 2010 theo tiêu chuẩn TIA-942-2005. Hiện trung tâm dữ liệu vẫn đang hoạt động để đảm bảo hạ tầng cho các Hệ thống thông tin, CSDL của Bộ.
- *Ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức các cuộc họp trực tuyến tại Bộ*: 81 cuộc họp trực tuyến.
- *Ứng dụng điện toán đám mây tại Bộ*: Đã ứng dụng hệ thống điện toán đám mây của Bộ để triển khai các ứng dụng tại Bộ với tổng số máy ảo là 170 máy.
- *Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ*: Hiện tại, 100% Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo đơn vị và CBCC được cấp và sử dụng chứng thư số trong công việc.

⁶ Chiến lược dữ liệu đến năm 2030 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 1186/QĐ-BKHĐT ngày 20/5/2024).

⁷ Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của Bộ (Quyết định số 2123/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2023); Kế hoạch hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và triển khai Ngày chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2024 (Quyết định số 1916/QĐ-BKHĐT ngày 16/8/2024); Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt “Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 254/QĐ-BKHĐT ngày 29/02/2024).

⁸ Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bộ (Quyết định số 1318/QĐ-BKHĐT ngày 04/6/2024); Quy chế quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng hệ thống Camera giám sát an ninh tại Bộ (Quyết định số 312/QĐ-BKHĐT); Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 2113/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

⁹ Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số (Quyết định số 1106/QĐ-BKHĐT ngày 09/5/2024)

¹⁰ Đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định số 01/2021/NĐ-CP để trình Chính phủ.

- *Hệ thống mạng liên thông giữa hệ thống mạng của Bộ với các hệ thống mạng của các cơ quan qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Chính phủ*: Kết nối hệ thống Hội nghị truyền hình Chính phủ; Kết nối trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); Kết nối mạng CPNET; Kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); Kết nối hệ thống mạng với Bộ, ngành, địa phương khác.

- Ban hành và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số tại Quyết định số 1106/QĐ-BKHĐT ngày 09/5/2024.

- Đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện việc chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin của Bộ sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- *Hạ tầng IoT*: Đã và đang xây dựng các hạ tầng giám sát vào ra, điểm danh tích hợp thông qua thẻ CCVD, thẻ UHF, hệ thống kết nối mạng không dây trong toàn bộ cơ quan Bộ.

- *Hệ thống định danh tập trung của Bộ, ngành¹¹*: Đã được xây dựng và sử dụng cho các hệ thống ứng dụng chuyên ngành cũng như nội bộ của Bộ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Trung tâm dữ liệu của Bộ được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2010, đến nay các công nghệ đã lạc hậu, thiết bị đã hết khấu hao nhiều năm, một số thiết bị đã hỏng không thể sử dụng vì thế nguy cơ gây mất an toàn cho các hệ thống thông tin, CSDL đang chạy trong TTDL là lớn.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

- Ngày 07/02/2024 Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành văn bản số 1053/BKHĐT-CNTT về việc triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCs), theo đó:

+ 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ đã được phổ cập kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà¹² do Bộ Thông tin và truyền thông cung cấp.

+ 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ được phổ cập về “Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư” trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Kế hoạch và Đầu tư¹³.

- 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ đã được phổ cập kỹ năng số thông qua Hệ thống thông tin tổng thể.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Khó khăn trong tuyển dụng nhân sự chuyên ngành công nghệ thông tin có trình độ.

¹¹ <https://taikhoan.mpi.gov.vn>

¹² <https://chuyendoiso.mobiedu.vn>

¹³ <https://bokehoachdautu.mobiedu.vn/b/courses/chuyen-oi-so-tai-bo-ke-hoach-va-au-tu-4071.html>

- Chưa thực hiện được các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ công nghệ thông tin, đặc biệt các khóa đào tạo tại các nước có nền công nghệ thông tin, an toàn bảo mật phát triển.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Đã triển khai các nền tảng dữ liệu số của ngành, cụ thể:

(1) *Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công*¹⁴: Từ ngày 15/7/2024 Hệ thống được nâng cấp và sử dụng trên môi trường mới và triển khai tập huấn sử dụng Hệ thống trên toàn quốc để phục vụ công tác đầu tư công tại các bộ ngành và địa phương, hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương lập, cập nhật, giao, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm...

(2) *Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư*: Từ ngày 15/7/2024 Hệ thống được nâng cấp và sử dụng trên môi trường mới tiếp tục hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty đăng ký tài khoản và sử dụng hệ thống đã có 52.412 dự án được báo cáo trên Hệ thống. Tình hình báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trực tuyến của các cơ quan theo từng kỳ báo cáo được Bộ công khai tại Cổng thông tin quốc gia về giám sát và đánh giá đầu tư¹⁵.

(3) *Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia*: đã triển khai Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giúp quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trên toàn quốc, bao gồm chức năng Báo cáo dự kiến kế hoạch CTMTQG hằng năm để các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng dự kiến kế hoạch và chủ chương trình có thể tổng hợp kết quả báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

(4) *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*: Hiện tại, CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp lưu trữ dữ liệu của hơn 2 triệu doanh nghiệp (khoảng 950 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động), bao gồm doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán. Thông tin trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp được cập nhật liên tục theo thời gian thực trên cơ sở thông tin doanh nghiệp kê khai và liên thông nghiệp vụ thời gian thực với Hệ thống đăng ký thuế. Trong 09 tháng năm 2024, có hơn 120 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, gần 90 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và gần 15 nghìn doanh nghiệp giải thể.

(5) *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã*: Hệ thống đã được đưa vào vận hành từ năm 2019 trên phạm vi toàn quốc. Hiện nay, Cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã đã cơ bản hoàn thiện, là cơ sở dữ liệu có giá trị pháp lý, là thông tin gốc về hợp tác xã. Trong 09 tháng năm 2024, có hơn 4 nghìn hợp tác xã và 14 liên hiệp hợp tác xã thành lập mới trên hệ thống.

(6) *Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh*: Hiện nay, Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh chứa thông tin 2,4 triệu hộ kinh doanh, từ khi triển khai

¹⁴ <https://dautucong.mpi.gov.vn>

¹⁵ <http://giamsatdautuquocgia.mpi.gov.vn>

đưa vào hoạt động tháng 07/2023, có hơn 927 nghìn hộ kinh doanh đăng ký thành lập mới và đăng ký thay đổi. Trong 09 tháng năm 2024, có hơn 400 nghìn hộ kinh doanh thành lập mới trên hệ thống.

(7) *Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư*¹⁶: Hệ thống hoạt động hỗ trợ việc quản lý, đăng ký cấp phép đầu tư tại Việt Nam bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Tính đến tháng 9/2024, có 2.247 dự án được cấp mới thông qua Hệ thống.

(8) *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*¹⁷: Đối với toàn bộ các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn thực hiện qua mạng đạt ~99,97% về số lượng và 96,4% về giá trị.

(9) *Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch*¹⁸: Đã được xây dựng tại địa chỉ <https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn> nhằm đáp ứng các nhu cầu ban đầu của công tác lập, thẩm định, công khai quy hoạch trong thời kỳ mới. Đang tiếp tục triển khai xây dựng và hoàn thiện Hệ thống.

(10) *Hệ thống thông tin thống kê*: dữ liệu của tất cả các cuộc điều tra và Tổng điều tra được xử lý trên môi trường số, trong đó 84% số cuộc điều tra đã được ứng dụng phiếu điều tra điện tử và thực hiện giám sát chất lượng số liệu điều tra trên hệ thống trực tuyến (webform).

(11) *Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử*: Dự án đã được phê duyệt và đang thực hiện lựa chọn nhà thầu xây dựng các hạng mục của dự án

(12) *Kho dữ liệu đặc tả thống kê và hệ thống kho dữ liệu thống kê vi mô*: đã được phê duyệt Chủ trương đầu tư và đang thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Kết quả dự án gồm là 02 cơ sở dữ liệu nhằm sử dụng thống nhất dữ liệu thống kê.

(13) *Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp*: Đang trong quá trình nghiên cứu, xây dựng.

(14) *Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế*: Đang trong quá trình xây dựng.

(15) *Cổng dữ liệu*¹⁹: Hiện cổng dữ liệu mở của Bộ được công khai, miễn phí cho tất cả người dân và doanh nghiệp sử dụng. Cung cấp các dữ liệu theo Quyết định số 1814/QĐ-BKHĐT và Quyết định số 1349/QĐ-BKHĐT ngày 02/8/2023.

(16) *Kho dữ liệu tập trung*: Đã xây dựng Kho dữ liệu tập trung của Bộ, tiếp tục triển khai nhằm mục đích kết nối tất cả các thông tin dữ liệu của Bộ để hỗ trợ, phục vụ việc phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ Lãnh đạo Bộ, lãnh đạo các đơn vị ra quyết định.

¹⁶ <https://vietnaminvest.gov.vn/>

¹⁷ <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>

¹⁸ <https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn>

¹⁹ <https://data.mpi.gov.vn>

- Quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu:

+ Quản lý và vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP): Nền tảng đã được xây dựng, phục vụ việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trong nội bộ của bộ, ngành và đóng vai trò là đầu mối kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống bên ngoài, như: Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDL dân cư), cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Tabmis), cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVN, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chia sẻ dữ liệu với các địa phương (CSDL đăng ký doanh nghiệp),...

+ Kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và Trục liên thông văn bản quốc gia.

+ Triển khai thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước theo Quy chế phối hợp chia sẻ dữ liệu đã ký giữa 2 cơ quan²⁰.

+ Triển khai kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu tại Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục phát triển các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo lộ trình của Chính phủ và kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Tồn tại, hạn chế:

(1) *Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công*: Hệ thống được đầu tư xây dựng vào sử dụng cơ bản đáp ứng các yêu cầu cốt lõi về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư công trên toàn quốc. Tuy nhiên các yêu cầu về chức năng hệ thống theo yêu cầu mới nhất của Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân tại Văn bản ngày 05/7/2024 (với 96 trang phụ lục chức năng cần có) là rất nhiều chức năng mở rộng không có trong phạm vi Dự án. Mặt khác, theo thời gian các yêu cầu về quản lý nhà nước trong lĩnh vực này luôn thay đổi nhanh để đáp ứng sự phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, hiện tại Bộ đang chủ trì tiến hành sửa Luật, theo đó các chức năng cốt lõi cũng thay đổi theo. Vì vậy dẫn đến Hệ thống vừa đưa vào sử dụng nhưng vẫn chưa đủ chức năng đáp ứng các yêu cầu thực tiễn và quy định đang sửa.

(2) *Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về Chương trình mục tiêu quốc gia*: Hiện hệ thống đã được xây dựng một số phân hệ báo cáo đơn lẻ hằng năm, chỉ

²⁰ Quy chế phối hợp trao đổi thông tin, dữ liệu giữa Kiểm toán nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1485/QC-KTNN-BKHĐT; Quy chế phối hợp trao đổi thông tin, dữ liệu giữa Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 11260/QCPH-BTC-BKHĐT)

đáp ứng được các chức năng báo cáo, chưa thực sự là một hệ thống đồng bộ, thống nhất, quản lý tập trung như yêu cầu của quản lý nhà nước về CTMTQG.

(3) *Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể*: Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Khoản 1 Điều 13, Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã bao gồm: cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã; cơ sở dữ liệu về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; cơ sở dữ liệu liên quan và hạ tầng kỹ thuật hệ thống; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/2/2023 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn đầu đã có yêu cầu xây dựng Hệ thống. Tuy nhiên đến nay Hệ thống này chưa được đầu tư xây dựng, đây cũng là Hệ thống cần kết nối chia sẻ với CSDL dân cư thuộc Đề án 06.

(4) *Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư*: Hệ thống được đưa vào hoạt động từ năm 2015 đến nay đã phát sinh nhiều bất cập, hạn chế về kỹ thuật, hạ tầng công nghệ lạc hậu, hệ thống không được nâng cấp dẫn đến tính năng chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và những quy định mới của Luật Đầu tư. Trong thời gian gần đây, hệ thống thường xuyên phát sinh các lỗi kỹ thuật làm ảnh hưởng đến hoạt động đăng ký đầu tư, báo cáo đầu tư trực tuyến trên hệ thống của các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đặc biệt, hệ thống hiện tồn tại nhiều lỗ hổng bảo mật, bị tin tặc tấn công khai thác nhiều lần gây mất an toàn cho hệ thống nói riêng và các hệ thống khác cùng hoạt động trong TTDL nói chung.

Đây là hệ thống phục vụ người dân và doanh nghiệp quan trọng trong đó có chuỗi dịch vụ công quan trọng liên quan tới cấp phép đầu tư cho các nhà đầu tư trong nước, các nhà đầu tư nước ngoài và cho nhà đầu tư ra nước ngoài.

(5) *Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch*: Hiện Hệ thống đã được tự xây dựng nhưng chưa đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Trước đây, khi chưa có các quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch nói chung, công tác lập và quản lý quy hoạch ở hầu hết các cơ quan trung ương, địa phương được quản lý theo cách thức thủ công. Dữ liệu quy hoạch được lưu trữ rời rạc, phân mảnh ở nhiều định dạng: báo cáo giấy, file bản vẽ, file văn bản, bảng tính... dẫn tới việc tra cứu, truy xuất thông tin gặp nhiều khó khăn cũng như không phát huy được hết giá trị của dữ liệu, không hỗ trợ ra quyết định trong việc dự báo, hoạch định chính sách.

(6) *Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế*: Căn cứ Quyết định số 2172/QĐ-BKHĐT ngày 14/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số được giao nhiệm vụ “Xây dựng Hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế”. Theo quy định tại Điều 47: Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: Xây dựng hệ thống thông tin

quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế, tuy nhiên đến nay Hệ thống này chưa được đầu tư xây dựng, hiện nay đã được đưa vào một trong các Hệ thống phải thực hiện phục vụ Đề án 06.

6. An toàn, an ninh mạng

a) Kết quả đạt được

Thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ đã ban hành Kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh mạng tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia tại Quyết định 1632/QĐ-BKHĐT ngày 02/10/2023. Các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng của Bộ hoạt động ổn định, an toàn trong năm 2024, cụ thể:

(1) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo cấp độ.

100% Hệ thống thông tin được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ, cập nhật theo yêu cầu tại thông tư 12/2022/TT-BTTTT, Số lượng hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý 54:

- Số lượng HTTT cấp độ 2: 35, đã phê duyệt HSDXCĐ: 35/35
- Số lượng HTTT cấp độ 3: 17, đã phê duyệt HSDXCĐ: 17/17
- Số lượng HTTT cấp độ 4: 02, đã phê duyệt HSDXCĐ: 02/02

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định của pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Công điện số 33/CD-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng. Phòng đã Tham mưu trình Lãnh đạo Bộ ban hành Quyết định số. Phòng đã tiến hành rà soát, cập nhật, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Phê duyệt cấp độ an toàn các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực và quản lý, điều hành nội bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được Bộ trưởng ký ban hành tại Quyết định số 1678/QĐ-BKHĐT ngày 31/7/2024 bao gồm 31 hệ thống thông tin cấp độ 2, 3. Phối hợp với Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và truyền thông trong quá trình thẩm định Hồ sơ đề xuất cấp độ đối với các hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, đầu tư công và giám sát đầu tư.

(2) Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

- Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách an toàn, an ninh mạng và các đơn vị chủ quản hệ thống thông tin đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo quy định, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg.

- Các hệ thống thông tin đều được kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh trước khi đưa vào sử dụng, đối với các phần mềm nội bộ phát triển mới tuân thủ theo khung phát triển phần mềm an toàn.

(3) Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: Đối với cán bộ công chức, viên chức và người lao động việc tuyên truyền được thực hiện thông qua đào tạo, thông qua hệ thống thông tin tổng thể (tính đến tháng 10/2024, đã đăng 68 bài trong chuyên mục An toàn thông tin của Hệ thống thông tin tổng thể của Bộ).

- Triển khai Chương trình đào tạo trực tuyến về an toàn thông tin cơ bản cho cơ quan nhà nước (tại địa chỉ <https://chuyendoiso.mobiedu.vn>) nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho mỗi cá nhân tính đến tháng 10/2024 đã nhận được đăng ký của trên 600 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ đăng ký tham gia.

- Bộ đã cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về an toàn thông tin năm 2024 trong khuôn khổ Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” (theo Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Đề án đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025 (theo Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ)²¹.

- Bộ tổ chức Lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng cho các đơn vị thuộc Bộ vào ngày 30/10/2024²².

(4) Xây dựng, quản lý vận hành Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng của Bộ. Chia sẻ thông tin giám sát an toàn, an ninh mạng theo quy định

- Chia sẻ thông tin giám sát theo yêu cầu tại văn bản 2973/BTTTT-CATTT:

+ Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giám sát với hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng quốc gia do Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

+ Đôn đốc các đơn vị triển khai hệ thống kết nối, chia sẻ thông tin giám sát tập trung cho hệ thống và thực hiện chia sẻ thông tin giám sát cho hệ thống kết nối, chia sẻ thông tin giám sát của Bộ.

- Phòng chống mã độc tập trung và chia sẻ thông tin mã độc theo yêu cầu tại văn bản 2290/BTTTT-CATTT:

+ Duy trì kết nối chia sẻ thông tin mã độc với Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Đôn đốc các đơn vị triển khai hệ thống phòng chống mã độc tập trung cho hệ thống thông tin do mình quản lý, vận hành; thực hiện chia sẻ thông tin mã độc cho hệ thống tổng hợp, chia sẻ thông tin mã độc của Bộ.

(5) Kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng tại các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ

²¹ 01 cán bộ tham gia Khóa đào tạo về khôi phục hệ thống sau sự cố theo chương trình Disaster Recovery Professional (EC-Council); 01 cán bộ tham gia Khóa đào tạo về chuyên gia ứng cứu sự cố theo chương trình Certified Incident Handler; 01 cán bộ tham gia khóa đào tạo “First Responders Training – Huấn luyện cho người ứng phó ban đầu”.

²² Văn bản số 356/HVCSPT-TTBD ngày 21/10/2024.

- Thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2024 tại 06 đơn vị thuộc Bộ theo Quyết định số 1964/QĐ-BKHĐT ngày 08/12/2023 (Văn phòng Bộ chủ trì);

- Phối hợp với Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử (Tổ công tác triển khai Đề án 06) kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(6) Phối hợp với các cơ quan nhà nước xử lý, ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng; Điều phối, diễn tập ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng

- Tổ chức cho Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của Bộ (thành lập theo quyết định 2404/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2022) tham gia diễn tập ứng cứu sự cố:

+ Diễn tập quốc tế APCERT năm 2024 với chủ đề “Ứng phó tấn công APT: Tìm lời giải cho bài toán khó” dựa trên chủ đề của APCERT là “APT Group Attack Response: Where is Wally?” do Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức vào ngày 29/8/2024.

+ Diễn tập quốc tế ACID năm 2024 với các quốc gia thuộc ASEAN và 5 quốc gia đối thoại Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức vào ngày 15/10/2024.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng đối với: Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, giám sát, đánh giá đầu tư trong tháng 10/2024.

(7) Xây dựng và vận hành Cổng an toàn, an ninh mạng của Bộ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai xây dựng Cổng an toàn, an ninh mạng của Bộ²³ là nơi cung cấp các thông tin về an toàn, an ninh mạng của Bộ.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Nhân sự làm công tác an toàn, an ninh mạng tại các đơn vị vận hành hệ thống thông tin vẫn thiếu và làm kiêm nhiệm nhiều việc.

- Các đơn vị vận hành hệ thống thông tin chưa thực hiện việc Chia sẻ thông tin giám sát an toàn, an ninh mạng và thông tin mã độc với hệ thống tổng hợp, chia sẻ thông tin giám sát, thông tin mã độc của Bộ theo yêu cầu tại Quyết định 1632/QĐ-BKHĐT.

- Một số hệ thống bị chèn các link quảng cáo, đánh bạc,... đặc biệt Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tồn tại nhiều lỗ hổng bảo mật trong mã nguồn, bị hacker khai thác, chiếm quyền điều khiển hệ thống.

- Kỹ năng ANANM của CBCCVC chưa tốt dẫn tới nhiều tài khoản bị lộ mật khẩu, gây nguy hiểm cho các hệ thống.

7. Chính phủ số

7.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hoạt động năm

²³ <https://anninhmang.mpi.gov.vn>

2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

- *Nhiệm vụ: Hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam*

Nhiệm vụ “Xây dựng và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam” đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) hoàn thành (Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số).

Kết quả biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đã được Tổng cục Thống kê công bố tại kỳ Họp báo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023.

- *Nhiệm vụ: Thúc đẩy số hóa đối với lĩnh vực quản lý các khu kinh tế (khu công nghiệp, khu chế xuất), bao gồm: Tổ chức Phiên họp, Hội nghị ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất; Báo cáo, đề xuất Kế hoạch ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất; Tổ chức triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất theo Kế hoạch được duyệt.*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành 02 Văn bản²⁴ gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó đề nghị báo cáo về thực trạng ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN, KCX và kế hoạch, giải pháp để thúc đẩy, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại KCN, KCX.

- *Nhiệm vụ: Trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 5/2024 ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”²⁵.*

Nhiệm vụ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050” đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024.

7.2. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được:

(1) *Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ:*

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP) đã được xây dựng, phục vụ việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trong nội bộ của bộ, ngành và đóng vai trò là đầu mối kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống bên ngoài, như: Cơ sở dữ liệu quốc

²⁴ Văn bản số 4291/BKHĐT-QLKKT ngày 5/6/2024; Văn bản số 6398/BKHĐT-QLKKT ngày 12/8/2024 về việc triển khai hoạt động chuyển đổi số tại các KCN, KCX (lần 1 và lần 2)

²⁵ Nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 07/8/2023

gia (CSDL dân cư), cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Tabmis), chia sẻ dữ liệu với các địa phương (CSDL đăng ký doanh nghiệp),... Việc xây dựng, phát triển LGSP đã và đang giúp cho Bộ:

- Tổng hợp thông tin, dữ liệu từ nhiều nguồn để tạo kho dữ liệu dùng chung của bộ, ngành bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành được hiệu quả;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ không phải nhập thông tin thủ công, thao tác nghiệp vụ trên nhiều phần mềm khác nhau;

- Tăng cường hiệu quả khai thác các dữ liệu dùng chung trong nội bộ, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí;

- Cho phép cung cấp dữ liệu ra bên ngoài.

(2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung:

Bộ đã xây dựng hệ thống kho dữ liệu tập trung và triển khai Hệ thống phân tích hiển thị chỉ số Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu đóng vai trò như một kho lưu trữ dữ liệu tập trung để lưu trữ dữ liệu trên quy mô lớn, bao gồm cả dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn trong và ngoài Bộ, riêng trong Bộ nền tảng này hiện đã tổng hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin (HTTT) và CSDL lớn về như: HTTT và CSDL quốc gia về Đầu tư công, CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, HTTT và CSDL quốc gia về quy hoạch, HTTT về giám sát đầu tư quốc gia, HTTT và CSDL quốc gia về đầu tư (Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đầu tư của nhà đầu tư trong nước và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài), HTTT báo cáo Thống kê,... Ngoài việc được sử dụng để lưu trữ dữ liệu cho các phân tích trong tương lai hoặc thời gian thực, Nền tảng này cung cấp các công cụ phục vụ phân tích dữ liệu.

(3) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn bộ, ngành phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của Bộ

Bộ đã triển khai Nền tảng quản trị số tổng thể²⁶ và phân ứng dụng trên thiết bị mobile. Nền tảng này cho phép người sử dụng (toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ) đăng nhập một lần, trải nghiệm xuyên suốt, đồng bộ các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp trực tuyến, đôn đốc, nhắc việc, chia sẻ tệp tin và các chức năng khác hỗ trợ công vụ, qua đó, hỗ trợ người sử dụng nâng cao hiệu suất, chất lượng giải quyết công việc.

(4) Nền tảng họp trực tuyến:

Bộ đã xây dựng và triển khai nền tảng họp trực tuyến, cho phép họp trực tuyến linh hoạt đến từng thiết bị cá nhân của người tham gia, kết nối thông suốt, đồng bộ với hệ thống họp trực tuyến đã có ở các cơ quan, tổ chức.

(5) Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước:

Bộ đã và đang triển khai nền tảng này tích hợp trong Hệ thống phân tích hiển thị chỉ số Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hiện tại việc giám sát đang được thực hiện trong nhiều lĩnh vực thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ như: Đầu tư công, giám sát đầu tư, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, trong việc báo cáo điện tử các cấp, trong an toàn, an ninh mạng, trong tích hợp dữ liệu,....

(6) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp:

²⁶ <https://quantriso.mpi.gov.vn/>

Hiện tại Bộ đang trong quá trình tích hợp nền tảng trợ lý ảo vào các ứng dụng chuyên ngành (Đầu thầu, Đầu tư công,...) cũng như các ứng dụng nội bộ phục vụ cán bộ, công chức, viên chức giúp mỗi người có một trợ lý trên điện thoại di động phục vụ hỏi - đáp công việc. Nền tảng trợ lý ảo có thể tích lũy tri thức về các lĩnh vực chuyên ngành, tri thức về văn bản quy phạm pháp luật, tri thức về số liệu thống kê v.v..., thông qua đó, triển khai Nền tảng trợ lý ảo giúp cán bộ, công chức, viên chức rút ngắn thời gian tìm hiểu tri thức, nâng cao hiệu quả công việc, tích lũy tri thức làm việc và chuyển giao tri thức một cách dễ dàng.

(7) Nền tảng dữ liệu số của ngành:

Bộ đã triển khai các nền tảng dữ liệu số của ngành như báo cáo tại mục 3 nêu trên. Ngoài những CSDL đã báo cáo ở trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư còn có những CSDL sau:

- *Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc:* 100% các đơn vị thuộc Bộ đã triển khai gửi, nhận văn bản điện tử. Hệ thống có khoảng 7.700 người sử dụng. Số văn bản điện tử của Bộ gửi qua hệ thống tính đến tháng 9 năm 2024 là 15.783 văn bản.

- *Hệ thống thư điện tử:* Nâng cấp hệ thống thư điện tử và triển khai đến 100% các đơn vị thuộc Bộ.

- *Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử:* Đã triển khai với các chức năng cơ bản đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật và hỗ trợ các nghiệp vụ liên quan về lưu trữ điện tử.

- *Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Bộ:* Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ, cán bộ. Bộ đã thực hiện chia sẻ thông tin chung của 7.292 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ với CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức và đang tiếp tục triển khai chia sẻ đối với các thông tin khác (về đào tạo, bồi dưỡng; diễn biến lương; quá trình công tác; khen thưởng, kỷ luật;...) theo yêu cầu từ phía Bộ Nội vụ.

- *Hệ thống thông tin báo cáo:* Triển khai thực hiện điện tử hóa các chế độ báo cáo được giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 293/QĐ-TTg. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có 101 chỉ tiêu (trên tổng số 200 chỉ tiêu), gồm 259 báo cáo, tình hình thực hiện đến nay như sau: Số chỉ tiêu báo cáo đã có dữ liệu và được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia là 57 chỉ tiêu (98 báo cáo) đạt tỷ lệ 56,4%; Triển khai thực hiện điện tử hóa biểu mẫu điện tử của chế độ báo cáo theo Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT quy định chế độ báo cáo thống kê ngành kế hoạch, đầu tư (57/57 biểu mẫu báo cáo).

- *Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ²⁷:* Đã triển khai Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị liên thông với Hệ thống phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia, và chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công của Bộ, Cổng thông tin điện tử của Bộ để đảm bảo tiếp nhận đầy đủ phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp từ các nguồn khác nhau và thực hiện trả lời, công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị một cách kịp thời.

²⁷ <https://pakn.mpi.gov.vn/>

- *Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính*²⁸: Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ đã được triển khai, là sự hợp nhất của Công dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử của Bộ. Hiện tại, Hệ thống đang cung cấp thông tin của 223 thủ tục hành chính (58 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 5 dịch vụ công trực tuyến một phần; 160 dịch vụ công được cung cấp thông tin trực tuyến). Hệ thống đã được kết nối với Công dịch vụ công quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Hệ thống chuyên ngành (đấu thầu, đăng ký kinh doanh,...).

- *Hệ thống theo dõi các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao*: Đồng bộ danh sách nhiệm vụ với VPCP hằng ngày; thực hiện việc cập nhật tình hình nhiệm vụ trên Hệ thống của VPCP, đồng bộ với Hệ thống của Bộ; trong năm đã đồng bộ và cập nhật 561 nhiệm vụ từ VPCP về Bộ và tình hình thực hiện nhiệm vụ từ Bộ sang VPCP 605 lượt.

(8) *Nền tảng học trực tuyến*: Bộ KH&ĐT đã triển khai các nền tảng học trực tuyến sau đây:

- Nền tảng học trực tuyến miễn phí cho doanh nghiệp²⁹ với hệ thống bài giảng trực tuyến phong phú về nội dung, bao trùm các vấn đề trọng yếu đối với doanh nghiệp như bán hàng, tiếp thị, tài chính, kế toán, nhân sự, sản xuất, tư duy chiến lược và kỹ năng lãnh đạo.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã mở 01 khóa học (gồm 02 bài giảng) về chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Kế hoạch và Đầu tư³⁰.

b) Tồn tại, hạn chế:

(1) *Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính*: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ đã được triển khai, tuy nhiên đối với Hệ thống này, sau khi triển khai đã có thêm nhiều văn bản chỉ đạo, đặc biệt đối với việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và nâng cấp để đáp ứng theo yêu cầu của Đề án “phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06). Do đó, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ cần phải bổ sung chức năng để đáp ứng việc kết nối với Kho dữ liệu điện tử, Công Dịch vụ công quốc gia (bao gồm cả nền tảng thanh toán trực tuyến), Công kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (eSign) cũng như bổ sung tiện ích cho người dân (ký số, sử dụng mini app trên zalo,...)

8. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

8.1. Ngày Chuyển đổi số

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và triển khai Ngày Chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2024 (Quyết định số 1916/QĐ-BKHĐT ngày 16/8/2024);

²⁸ <https://dichvucong.mpi.gov.vn>

²⁹ <https://elearning.business.gov.vn>

³⁰ <https://bokehoachdautu.mobiedu.vn>

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 để hướng tới kỷ niệm Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 và Ngày Chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2024 (10/10/2023) (Công văn số 503/CNTT-THCĐS ngày 23/9/2024 của Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số).

8.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chia sẻ các ví dụ về quá trình chuyển đổi số của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã trong các tài liệu công bố trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, như trong Sổ tay hướng dẫn chuyển đổi số cho doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến và phân phối thực phẩm, lĩnh vực vận tải và logistics và trong các Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp. Các ấn phẩm đều có thể tham khảo trên Cổng thông tin của Chương trình³¹.

8.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

- Tiếp tục triển khai chuyên trang chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư³². Ngoài ra, tích cực thông tin, tuyên truyền về các hoạt động chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên các kênh truyền thông khác nhau của Bộ.

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật tiếp cận thông tin, Luật tiếp công dân... Tổng số viết 950 tin, bài; 297 tin ảnh (3455 ảnh); 304 tin video; 186 tin bài dịch, 64 tin đồ họa. Cung cấp các thông tin về phát triển kinh tế - xã hội, tình hình kinh tế - xã hội địa phương, tình hình kinh tế thế giới, Hội nhập kinh tế quốc tế, thông tin về quan hệ Việt Nam với các nước và thông tin khác nhằm thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với các nước, thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam: 540 tin, bài tiếng Việt; 278 tin, bài tiếng Anh; 520 văn bản, báo cáo, số liệu kinh tế - xã hội

- Cổng thông tin Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025³³, là một phần Cổng thông tin Quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp. Toàn bộ các công cụ, các tài liệu, video đào tạo và thông tin các gói hỗ trợ chuyển đổi số đã được số hóa và đăng tải 24/7 trên Cổng thông tin và phổ biến một cách rộng rãi. Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể dễ dàng truy cập, tiếp cận các thông tin, tài liệu, kiến thức, kết nối mạng lưới chuyên gia, giải pháp công nghệ số và thông tin hỗ trợ của Chính phủ về chuyển đổi số trong doanh nghiệp, đạt hơn 2 triệu lượt truy cập thông tin.

9. Kinh phí thực hiện

Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số của Bộ năm 2024 tại Phụ lục I kèm

³¹ <https://digital.business.gov.vn>

³² <https://chuyendoiso.mpi.gov.vn/>

³³ <https://digital.business.gov.vn/>

theo, trong đó, các nhiệm vụ, dự án có hạng mục về an toàn, an ninh mạng chiếm tỷ lệ trên 10%.

Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 04/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-BKHĐT ngày 09/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án tại Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021- 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

II. MỤC TIÊU

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ

- Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành của Bộ: Nền tảng quản trị số tổng thể; Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Bộ; Hệ thống theo dõi nhiệm vụ:

+ 100% văn bản được gửi, nhận điện tử trên môi trường mạng (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

+ 70% hồ sơ lưu trữ được số hóa và lưu trữ điện tử.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

+ 100% công tác kế toán, quản lý tài sản được thực hiện trên môi trường số.

+ 100% công tác theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ giao Bộ, của Lãnh đạo Bộ giao các đơn vị và của các đơn vị được thực hiện trên môi trường số.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả việc phổ cập kỹ năng chuyển đổi số tới 100% công chức viên chức và người lao động.

- Tiếp tục triển khai đánh giá chỉ số Chuyển đổi số của Bộ: 100% các đơn vị được đánh giá.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- *Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính*: Cung cấp thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 và các hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 85%.

- *Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp*: kết nối với Hệ thống của Chính phủ, đảm bảo tiếp nhận 100% thông tin phản ánh của người dân, doanh nghiệp và chuyển cho các đơn vị liên quan để giải quyết. Công bố 100% thông tin phản hồi đảm bảo người dân, doanh nghiệp tiếp cận được thông tin một cách chính xác và kịp thời.

- *Truyền thông điện tử*: Đưa thông tin của Cổng thông tin điện tử của Bộ trở thành nguồn thông tin được các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, quốc tế quan tâm, sử dụng và góp phần làm công khai, minh bạch thông tin hoạt động của Bộ.

- *Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư*: Nâng cấp để đáp ứng yêu cầu chuẩn hoá tin học hoá các nghiệp vụ quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài.

- *Cổng thông tin doanh nghiệp*: Trang thông tin điện tử kết nối, cung cấp các thông tin, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc tích hợp thông tin về doanh nghiệp, mạng lưới tư vấn viên, chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chỉ dẫn kinh doanh, báo cáo nghiên cứu ngành, thị trường, chương trình chuyển đổi số, tiếp nhận ý kiến của doanh nghiệp

- *Cổng dữ liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư*: Cung cấp các dữ liệu của Bộ theo quy định.

- *Đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực*: đấu thầu, đăng ký doanh nghiệp, kinh tế hợp tác, đầu tư nước ngoài, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, quy hoạch,... và các lĩnh vực chuyên ngành khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trên cơ sở cải cách hành chính, thực hiện chuyển đổi số để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cơ quan nhà nước

- *Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công*: 100% các bộ, ngành và địa phương lập, giao, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trên Hệ thống.

- *Hệ thống thông tin về giám sát và đánh giá đầu tư*: 100% bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty thực hiện báo cáo giám sát đầu tư trên Hệ thống.

- *Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ*: 100% các báo cáo thuộc 101 chỉ tiêu theo Quyết định số 293/QĐ-TTg được cập nhật dữ liệu và gửi trên Hệ thống; 100% biểu mẫu báo cáo theo Quyết định số 2399/QĐ-BKHĐT ngày 14/10/2024 được chuẩn hóa, điện tử hóa.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê*: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin trong công tác thống kê; Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương. 50% chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành trong ngành Thống kê từ trung ương đến địa phương được thực hiện trên môi trường số.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- *Quy chế, quy định*: Cập nhật, xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành quy chế đảm bảo an toàn, an ninh mạng và phương án tổng thể đảm bảo an toàn, an ninh mạng của Bộ.

- *Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ*: 100% Các hệ thống thông tin được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án được phê duyệt.

- *Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng (mpiSOC)*: 100% các Hệ thống được giám sát. Thực hiện kết nối đầy đủ với Trung tâm giám sát an toàn thông tin quốc gia.

- *Đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp (Theo Chỉ thị số 14 của TTg)*: 100% các Hệ thống thông tin, CSDL được triển khai.

- *Diễn tập ứng cứu sự cố, thực chiến*: Tối thiểu 02 lần.

- *Thực hiện kiểm tra và an toàn, an ninh mạng*: Kiểm tra đột xuất theo yêu cầu; Thực hiện kiểm tra định kỳ an toàn, an ninh mạng tại các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tối thiểu 1 lần.

- *Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng*: Tổ chức tối thiểu 02 lớp đào tạo chuyên sâu đội ngũ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách an toàn, an ninh mạng và chuyên trách bảo vệ an ninh mạng. Phổ cập kỹ năng an toàn, an ninh mạng tới 100% công chức viên chức và người lao động.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

1.1. Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số năm 2025.

1.2. Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Bộ.

1.3. Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

1.4. Xây dựng Đề án chuyển đổi số của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. Thể chế số, chính sách số

2.1. Rà soát, ban hành danh mục dữ liệu mở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông).

2.2. Duy trì, triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.

2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).

2.4 Triển khai thực hiện Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số.”

2.5. Hoàn thiện Đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Hạ tầng số

3.1. Đảm bảo hoạt động ổn định của Hạ tầng mạng LAN, WAN, Internet, Trung tâm dữ liệu, Trung tâm điều hành, hệ thống điện toán đám mây.

3.2. Đảm bảo việc ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ.

3.3. Đảm bảo hoạt động Hệ thống mạng liên thông giữa hệ thống mạng của Bộ với các hệ thống mạng của các cơ quan qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Chính phủ phục vụ hệ thống Hội nghị truyền hình Chính phủ; Kết nối trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); Kết nối hệ thống mạng NDXP; kết nối hệ thống mạng với Bộ, ngành, địa phương khác.

3.4. Triển khai hoàn thành toàn bộ ứng dụng Internet thế hệ mới (IPv6).

3.5. Khắc phục sự cố, bảo trì, bảo dưỡng, cài đặt cấu hình, sửa chữa, thay thế thiết bị, linh kiện máy tính, máy in đảm bảo trang thiết bị, phương tiện làm việc cho CBCCVC.

3.6. Hoàn thiện hạ tầng IoT hạ tầng giám sát vào ra, điểm danh tích hợp, hệ thống kết nối mạng không dây trong toàn bộ cơ quan Bộ.

3.7. Hoàn thiện Kho dữ liệu tập trung kết nối tất cả các thông tin dữ liệu của Bộ về phục vụ việc phân tích dữ liệu lớn.

3.8. Nâng cấp, mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng lộ trình chuyển đổi số trong công tác thống kê.

4. Nhân lực số

4.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân lực của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn, an ninh mạng để tăng cường thực hiện nhiệm vụ, giải pháp mới về chuyển đổi số, tăng cường lực lượng bảo vệ an ninh mạng của Bộ.

4.2. Cử cán bộ đại diện tham gia các Chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ Chuyên gia Chính phủ điện tử, Chuyên gia Chuyển đổi số; tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.

4.3. Chủ động nghiên cứu, hợp tác, phát triển nguồn nhân lực hiện có để làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới.

4.4. Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo, cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn, an ninh mạng, công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn, an ninh mạng.

4.5. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

4.6. Duy trì tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ.

4.7. Tham gia các khóa đào tạo về nâng cao nhận thức chuyển đổi số hỗ trợ triển khai Đề án 06.

4.8. Triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4.9. Tiếp cận và sử dụng các nền tảng số và bộ công cụ sử dụng thống nhất toàn quốc phục vụ quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số.

5. Phát triển dữ liệu số

5.1. Tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công cho các Bộ, ngành, địa phương cập nhật, giao, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025; lập, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, kế hoạch hằng năm năm 2026.

5.2. Đảm bảo hoạt động ổn định và hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty sử dụng hệ thống Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư. Hoàn thiện Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư, triển khai trên toàn quốc: Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử theo quy định

5.3. Thực hiện duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Đảm bảo hoạt động ổn định Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; thuê dịch vụ công nghệ thông tin; nâng cấp, mở rộng phần mềm ứng dụng; nâng cấp, phát triển và tái kiến trúc phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Tích hợp, chia sẻ thông tin theo thời gian thực với các hệ thống thuế, dân cư, các hệ thống của địa phương và các hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành. Việc chia sẻ, tích hợp dữ liệu thực hiện thông qua Trục tích hợp dữ liệu của Bộ tới NDXP.

5.4. Tiếp tục hỗ trợ việc quản lý đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại Việt Nam đối với cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

5.5. Thực hiện nâng cấp, bổ sung các chức năng của Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa và tin học hóa các nghiệp vụ

quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài; đảm bảo quy định về cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài.

5.6. Tổ chức xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt dự án Nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (bao gồm: *Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trong nước; Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; Hệ thống thông tin quốc gia về xúc tiến đầu tư; Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế*).

5.7. Đảm bảo hoạt động ổn định và hoàn thiện Hệ thống mới do nhà đầu tư PPP xây dựng đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

5.8. Duy trì hoạt động Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch đáp ứng các nhu cầu tối thiểu của công tác lập quy hoạch trong thời kỳ mới. Thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Hệ thống mới.

5.9. Duy trì Cổng dữ liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tất cả người dân và doanh nghiệp sử dụng, xây dựng quy trình cung cấp dữ liệu để đảm bảo phân biệt được các đối tượng sử dụng dữ liệu.

5.10. Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp.

5.11. Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương.

5.12. Triển khai xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử.

5.13. Tiếp tục triển khai và hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ: Chuẩn hóa, điện tử hóa các biểu mẫu và tiếp tục gửi, nhận báo cáo qua Hệ thống theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, Quyết định số 2399/QĐ-BKHĐT.

5.14. Tiếp tục triển khai và hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ. Triển khai Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.

5.15. Tiếp tục triển khai Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ.

5.16. Tiếp tục triển khai nền tảng dữ liệu số của Bộ phục vụ quản lý, điều hành: Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; Xây dựng hoặc nâng cấp Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.

5.17. Triển khai xây dựng Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia.

5.18. Triển khai Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

6. An toàn, an ninh mạng

6.1. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho Hệ thống mạng, Trung tâm dữ liệu, Trung tâm điều hành, các nền tảng số, Kho dữ liệu, Nền tảng hợp chia sẻ dữ liệu, Nền tảng hợp trực tuyến, Hệ thống giám sát vào ra, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thư điện tử, Các Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu.

6.2. Rà soát, cập nhật và trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định mới và thực hiện triển khai ngay phương án sau khi được phê duyệt.

6.3. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật và của Bộ.

6.4. Giám sát an toàn, an ninh mạng thông qua Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng của Bộ, đảm bảo kết nối đầy đủ với Trung tâm giám sát an toàn thông tin quốc gia.

6.5. Thực hiện diễn tập ứng cứu sự cố định kỳ, đột xuất.

6.6. Thực hiện việc kiểm tra bảo mật phần mềm, ứng dụng, hệ thống thông tin trước khi đưa vào sử dụng.

6.7. Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn, an ninh mạng.

6.8. Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.

7. Chính phủ số

7.1. Hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hoạt động của UBQG về chuyển đổi số.

7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

7.3. Duy trì hoạt động ổn định nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ, đảm bảo quản lý thống nhất tất cả việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các thông thống thông tin cơ sở dữ liệu thuộc Bộ qua trực.

7.4. Triển khai hệ thống kho dữ liệu và hệ thống phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung.

7.5. Triển khai Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn bộ, ngành phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của Bộ bao gồm cả phiên bản trên công nội bộ và trên thiết bị di động.

7.6. Triển khai nền tảng hợp trực tuyến.

7.7. Triển khai Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đầu tư công, giám sát đầu tư, đấu thầu, đăng ký kinh

doanh, đầu tư nước ngoài, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo và trong An toàn, an ninh mạng.

7.8. Triển khai việc tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp vào các hệ thống thông tin Đấu thầu qua mạng, Đăng ký kinh doanh, Đầu tư nước ngoài, Đầu tư công, Giám sát đầu tư.

7.9. Triển khai việc tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức vào các ứng dụng quản lý, điều hành của Bộ.

7.10. Triển khai các nền tảng dữ liệu số của ngành đã nêu trên.

8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

8.1. Xây dựng Kế hoạch hướng ứng ngày Chuyển đổi số của Bộ và quốc gia năm 2025.

8.2. Tiếp tục phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chia sẻ kinh nghiệm, bài toán chuyển đổi số trong ngành Kế hoạch và Đầu tư.

8.3. Tiếp tục triển khai chuyên trang chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

8.4. Phổ cập kỹ năng chuyển đổi số tới công chức viên chức và người lao động.

8.5. Phổ cập kỹ năng số và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, nghiên cứu mở rộng các đối tượng hộ kinh doanh, cá thể hợp tác xã.

8.6. Tiếp tục thực hiện đánh giá chỉ số chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc Bộ.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Kiện toàn BCD chuyển đổi số; gắn kết với cải cách hành chính; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của BCD.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và các kênh truyền thông khác của Bộ. Đồng thời, các cơ quan báo chí, truyền thông của Bộ chủ động truyền thông về các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số của Bộ.

- Đẩy mạnh truyền thông các Hệ thống ứng dụng của Bộ trong các công tác: dịch vụ công, đấu thầu, đăng ký doanh nghiệp, đầu tư công,.. trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua thư điện tử, ứng dụng di động trực tiếp đến người dùng.

- Đẩy mạnh việc phổ cập kỹ năng số thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán công nghệ thông tin, an toàn an ninh mạng phù hợp với yêu cầu phát triển của công cuộc chuyển đổi số tại Bộ.

- Bố trí, phân công công việc cho cán bộ công nghệ thông tin phải gắn với chức năng, nhiệm vụ một cách chặt chẽ, rõ ràng và dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, trình độ của cán bộ.

- Phát triển các hình thức liên kết, hợp tác phát triển nguồn lực chất lượng cao.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số tại Bộ như phân tích dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí, sử dụng các nguồn tài chính phù hợp với từng nhiệm vụ, dự án để triển khai, như: Ngân sách nhà nước; Nguồn thu hợp pháp; Hợp tác công - tư; Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức; Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giới thiệu các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin trong một số hoạt động công nghệ thông tin của Bộ.

- Nghiên cứu phát triển các dự án PPP.

- Xây dựng và phát triển quan hệ với các đối tác quốc tế, tăng cường thu hút các nguồn lực nước ngoài (tài chính và nhân lực khoa học trình độ cao) cho hoạt động chuyển đổi số. Tăng cường kết nối, phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tài trợ triển khai chuyển đổi số của Bộ.

- Phối hợp các nhà tài trợ EU, WB và các đối tác liên quan hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo các chương trình, dự án tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

- Phổ biến quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, hướng dẫn về chuyển đổi số để nâng cao nhận thức và vai trò của chuyển đổi số.

- Nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ và Bộ trưởng với tinh thần quyết tâm cao nhất để hoạt động chuyển đổi số tại Bộ thực chất và đạt hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm quy chế đảm bảo an toàn, an ninh mạng máy tính của Bộ. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản nội quy sử dụng máy tính độc lập trong việc soạn thảo văn bản có nội dung chứa bí mật nhà nước. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế nội bộ về quản lý, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

- Các đơn vị cung cấp, quản lý thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến thực hiện tái cấu trúc quy trình và các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình với các thủ tục hành chính đủ điều kiện.

- Khi thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công tại các cơ quan, cần thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo trực tuyến trên các hệ thống liên quan theo quy định của pháp luật.

- Sử dụng thống nhất các hệ thống, nền tảng dùng chung của Bộ: Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu; Nền tảng số quản trị tổng thể; Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Nền tảng họp trực tuyến; Hệ thống thông tin báo cáo; Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Tham gia các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCS).

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tại Kế hoạch hoạt động của UBND về chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện Đề án Chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi được ban hành.

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030. (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các biểu mẫu báo cáo, chuẩn hóa chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Gửi kết quả chuẩn hóa về Văn phòng Bộ để tổng hợp.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ 1.1 đến 1.3; 2.1; 2.2; 3.1 đến 3.7; 4; 5.1; 5.2; 5.5; 5.6; 5.8; 5.9; 5.13 đến 5.18; 6; 7.1; 7.3 đến 7.10; 8.1 đến 8.4; 8.6 tại mục III.

- Phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 7.2 tại mục III.

3. Tổng cục Thống kê

- Chủ trì xây dựng, triển khai các Dự án, nhiệm vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng trong lĩnh vực thống kê.

- Chuẩn hóa 100% biểu mẫu được phân công theo Quyết định số 293/QĐ-TTg và thực hiện nhập dữ liệu sau khi được điện tử hóa lên Hệ thống thông tin báo cáo.

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 2.4; 3.8; 5.11; 5.12 tại mục III.

4. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 5.3 tại mục III.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 7.7; 7.8 tại mục III.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3; 7.2 tại mục III.

5. Cục Đầu tư nước ngoài

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 5.4 tại mục III.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 7.7; 7.8 tại mục III.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3; 7.2 tại mục III.

6. Cục Quản lý đấu thầu

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 5.7 tại mục III.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 7.7; 7.8 tại mục III.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3; 7.2 tại mục III.

7. Cục Phát triển doanh nghiệp

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 2.5, 5.10 tại mục III.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3; 7.2 tại mục III.

8. Cục Kinh tế hợp tác

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3; 7.2 tại mục III.

9. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình lập, tổng hợp, giao, điều chỉnh, kéo dài, báo cáo kế hoạch đầu tư công trên Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 5.1 tại mục III.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3 tại mục III.

10. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong việc triển khai Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư trong công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3 tại mục III.

11. Vụ Quản lý quy hoạch

- Nghiên cứu dự thảo Thông tư về việc thu thập, cập nhật, xử lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 5.8 tại mục III.

12. Vụ Quản lý các khu kinh tế

Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 5.6 tại mục III.

13. Vụ Kinh tế nông nghiệp

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3 tại mục III.

14. Văn phòng Bộ

- Đôn đốc, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ đẩy nhanh tiến độ xây dựng các biểu mẫu báo cáo, chuẩn hóa chế độ báo cáo; chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ rà soát công bố các chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

- Đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ đôn đốc, tổng hợp kết quả chung của nhiệm vụ 2.3; 7.2 tại mục III.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 2.3; 5.14; 5.15; 5.16 tại mục III.

15. Vụ Tổ chức cán bộ

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ lồng ghép kết quả đánh giá chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, thi đua khen thưởng.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 4; 5.16 tại mục III.

16. Vụ Pháp chế

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3 tại mục III.

17. Học viện Chính sách và Phát triển

Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 1.4 tại mục III.

- Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư Dự án Chuyển đổi số Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án để triển khai Kế hoạch tại Phụ lục II kèm theo.



Phụ lục I

**TÌNH HÌNH BỐ TRÍ KINH PHÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 2500 /QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Tổng mức đầu tư	Bố trí vốn năm 2024	Thời gian triển khai - hoàn thành	Nguồn vốn	Hiệu quả/Hiện trạng
I	DỰ ÁN							
1	Tổng cục Thống kê	Xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử	Xây dựng hệ thống thu thập và xử lý kết quả điều tra lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản bằng phiếu điều tra điện tử; hệ thống sản xuất niên giám thống kê điện tử; hệ thống phổ biến thông tin thống kê tổng hợp	293.729		2021-2025	NSNN	Đang chuẩn bị đầu tư
2	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Xây dựng trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng ứng dụng để xây dựng Trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	220.000	2.420	2020-2023	NSNN	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục chính của dự án.
3	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Xây dựng Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công	Đầu tư xây dựng mới Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công phù hợp với Luật Đầu tư công mới năm 2019	60.000	10.200	2020-2024	NSNN	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục chính của dự án.
4	Cục Quản lý đấu thầu	Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ (theo hình thức đối tác công tư PPP)	Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, viễn thông để xây dựng, quản lý và vận hành bền vững Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng trên phạm vi toàn quốc	310.621		2020-2033	Vốn 100% nhà đầu tư	Đã đưa vào sử dụng từ 16/9/2022. Đang trong giai đoạn khai thác, vận hành (năm thứ 3) Tỷ lệ đấu thầu qua mạng đến nay đạt 99,8% về số lượng gói thầu và đạt 96% về giá trị gói thầu

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Tổng mức đầu tư	Bố trí vốn năm 2024	Thời gian triển khai - hoàn thành	Nguồn vốn	Hiệu quả/Hiện trạng
5	Cục Đầu tư nước ngoài	Dự án Nâng cấp và phát triển hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư		5,5 triệu USD		2021-2023	Nguồn vốn ODA Hàn Quốc	Dự án kết thúc theo QĐ số 178/QĐ-BKHĐT ngày 26/01/2024
6	Cục Phát triển doanh nghiệp	Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp	Đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp, ứng dụng CNTT trong các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước phù hợp với xu thế chuyển đổi số của Chính phủ và xây dựng nền kinh tế số trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	40.000 ³⁴		2024-2026	NSNN	Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, đang thực hiện chuẩn bị đầu tư
7	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch đáp ứng yêu cầu của Luật Quy hoạch			2021-2024	NSNN	Dự án chưa được giao vốn trung hạn để thực hiện
8	Tổng cục Thống kê	Dự án Xây dựng và vận hành kho dữ liệu đặc tả thống kê và hệ thống kho dữ liệu thống kê vi mô	Hình thành kho dữ liệu đặc tả thống kê và kho dữ liệu thống kê vi mô nhằm sử dụng thông tin thống kê thống nhất từ trung ương tới địa phương	91.382		2022-2024	NSNN	Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại QĐ số 1482/QĐ-BKHĐT ngày 30/8/2022, đang thực hiện chuẩn bị đầu tư
II NHIỆM VỤ								
9	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	- Duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:	Đảm bảo sự hoạt động ổn định, liên tục của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nâng cấp Hệ thống để đáp ứng các quy định pháp luật mới và nhu cầu ngày càng tăng của người dân, doanh nghiệp	30.000	21.360	2024	Nguồn thu phí được để lại, nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn Quỹ phát triển hoạt	Đang thực hiện

³⁴ Cục PTDN đang trình Lãnh đạo Cục để điều chỉnh Tổng mức đầu tư thành 43.449 triệu đồng

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Tổng mức đầu tư	Bố trí vốn năm 2024	Thời gian triển khai - hoàn thành	Nguồn vốn	Hiệu quả/Hiện trạng
		<ul style="list-style-type: none"> + Thuê dịch vụ đường truyền cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ hỗ trợ người sử dụng cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ giám sát, đánh giá và sửa lỗi bảo mật về an toàn thông tin, an ninh mạng cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Nâng cấp, mở rộng phần mềm ứng dụng của Hệ thống TTQGĐKDN; + Mua sắm phần mềm thương mại, thiết bị công nghệ thông tin cho Hệ thống TTQGĐKDN. 					động sự nghiệp của Trung tâm Hỗ trợ đăng ký kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	
10	Tổng cục Thống kê	Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo thống kê từ các Bộ, ngành, địa phương; nền tảng thu nhập và trao đổi dữ liệu; hệ thống Dashboard phân tích dữ liệu thống kê	250.000		2022-2025	NSNN	Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, đang thực hiện trình phê duyệt đầu tư dự án.



Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số ~~2500~~ /QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm ~~2024~~ của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án		Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian triển khai - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Nhu cầu năm 2025	Quyết định
		Mới	Chuyển tiếp						
I	DỰ ÁN								
1	Tổng cục Thống kê		Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử	Kết quả dự án gồm: hệ thống thu thập và xử lý kết quả điều tra lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản bằng phiếu điều tra điện tử; hệ thống sản xuất niên giám thông kê điện tử; hệ thống phổ biến thông tin thống kê tổng hợp	2021-2025	293.729	NSNN	160.000	Quyết định phê duyệt dự án: 926/QĐ-BKHĐT ngày 22/5/2023
2	Cục Phát triển doanh nghiệp		Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp	Đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp, ứng dụng CNTT trong các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước phù hợp với xu thế chuyên đổi số của Chính phủ và xây dựng nền kinh tế số trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	2024-2026	40.000	NSNN		Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: 743/QĐ-BKHĐT ngày 01/4/2022
3	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyên đổi số	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc		Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch đáp ứng yêu cầu của Luật Quy hoạch	2023-2026	110.000	NSNN	710,618	

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án		Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian triển khai - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Nhu cầu năm 2025	Quyết định
		Mới	Chuyển tiếp						
		gia về quy hoạch							
4	Tổng cục Thống kê	Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương		- Hình thành hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu gửi, nhận báo cáo và các nghiệp vụ thống kê của Chế độ báo cáo thống kê cấp Bộ, ngành, Chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã; - Triển khai, vận hành hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ Báo cáo thống kê cấp Bộ, ngành và chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã bảo đảm việc báo cáo thông tin thống kê tình hình kinh tế - xã hội để thay thế phương thức báo cáo truyền thống bằng phương thức hiện đại được thực hiện hoàn toàn trên môi trường trực tuyến, điện tử hóa, tích hợp, chia sẻ qua trực liên thông của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quốc gia.	2023-2025	250.000	NSNN		Quyết định phê duyệt dự án: 1953/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2023
5	Cục Quản lý đấu thầu		Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ (theo hình	Ứng dụng các tiên bộ của công nghệ thông tin, viễn thông để xây dựng, quản lý và vận hành bền vững Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo thống nhất quản lý thông tin về đấu	2020-2033	310.621	Vốn 100% nhà đầu tư		

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án		Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian triển khai - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Nhu cầu năm 2025	Quyết định
		Mới	Chuyển tiếp						
			thức đối tác công tư PPP)	thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng trên phạm vi toàn quốc					
II NHIỆM VỤ									
6	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	Duy trì, nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp		Đảm bảo sự hoạt động ổn định, liên tục của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nâng cấp Hệ thống để đáp ứng các quy định pháp luật mới và nhu cầu ngày càng tăng của người dân, doanh nghiệp	2025	30.000	Nguồn thu phí được để lại, nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Hỗ trợ Đăng ký kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh		



Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2510/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian triển khai - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Dự án Nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư	- Nâng cấp phần mềm Hệ thống để đáp ứng các chức năng theo quy định; - Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế; - Nâng cấp về hạ tầng kỹ thuật để triển khai Hệ thống và đáp ứng các yêu cầu về bảo mật theo quy định;	2026- 2029	120.000	NSNN	
2	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Dự án Xây dựng CSDL cán bộ công chức viên chức của Bộ	- Nâng cấp phần mềm quản lý CSDL cán bộ công chức viên chức của Bộ đáp ứng các quy định; - Triển khai tích hợp, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.	2026- 2028	6.000	NSNN	
3	Học viện Chính sách và Phát triển	Dự án Chuyển đổi số Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030	Tăng cường CDS toàn diện Học viện Chính sách và Phát triển hướng tới mục tiêu đại học số, đại học thông minh.	2025- 2030	100.000	NSNN	
4	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	Nâng cấp, mở rộng và tái kiến trúc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Nâng cấp, mở rộng và tái kiến trúc toàn diện phần mềm ứng dụng cùng hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng đầy đủ các thay đổi pháp lý về đăng ký doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ công về đăng ký doanh nghiệp và đảm bảo an ninh mạng cho Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	2021-2025	132.402	Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Hỗ trợ đăng ký kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	



Phụ lục IV
CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1012/QĐ-TTĐ NGÀY 20/9/2024
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 2500 /QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nhiệm vụ được giao	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời hạn
1	Tạo lập, tổng hợp, phân tích các chỉ số, nhóm chỉ số theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục IV để cung cấp cho Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng cấu trúc, định dạng, thuộc tính các chỉ số để đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu; sửa đổi, bổ sung khi có thay đổi.	Chi tiết tại Phụ lục II		
2	Rà soát các chế độ báo cáo bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết; cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân	Quyết định của Bộ trưởng	Tháng 02/2025
3	Rà soát các chế độ báo cáo bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết; cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản rà soát	Thường xuyên
4	Thực hiện rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình giải quyết công việc, theo dõi, kiểm tra, giám sát phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử để tạo thuận lợi trong việc thu thập, tạo lập dữ liệu số và kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành.	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Văn bản rà soát	Thường xuyên
5	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành, địa	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa	Tháng 02/2025

STT	Nhiệm vụ được giao	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời hạn
	phương kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.		phương kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	
6	Kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành, địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Thông tin, dữ liệu được kết nối, tích hợp, chia sẻ	Thường xuyên
7	Tổ chức tạo lập, kết nối, chia sẻ, tổng hợp, phân tích, đánh giá, giám sát chất lượng thông tin, dữ liệu các chỉ số, nhóm chỉ số tại Phụ lục IV	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Thông tin, dữ liệu về các chỉ số, nhóm chỉ số	Thường xuyên
8	Kết nối, tích hợp, chia sẻ 40 nhóm thông tin, dữ liệu trực tuyến thời gian thực hai chiều với các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Thông tin, dữ liệu trực tuyến về các chỉ số, nhóm chỉ số được kết nối, chia sẻ	Tháng 12/2025
9	Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Đưa ra cảnh báo với các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên
10	Tăng cường các hoạt động phối hợp, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, quốc tế triển khai các hoạt động bồi dưỡng, nghiên cứu, phát triển về dữ liệu; ứng dụng, phân tích dữ liệu phục	Các đơn vị thuộc Bộ	Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn; nghiên cứu, phát triển về dữ liệu, ứng dụng	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ được giao	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời hạn
	vụ công tác chỉ đạo, điều hành; xây dựng chính sách, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu		và phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành	
11	Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ cung cấp, kết nối, chia sẻ các thông tin, dữ liệu về tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, xây dựng ấn phẩm đồ họa thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng về kinh tế - xã hội của Chính phủ.	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thông tin: Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân; - Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu: Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số; - Xây dựng ấn phẩm đồ họa thông tin: Tổng cục Thống kê. 	Thông tin, dữ liệu được kết nối, tích hợp, chia sẻ	Thường xuyên
12	Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ cung cấp, kết nối, chia sẻ các thông tin, dữ liệu của các chỉ số theo dõi, giám sát về tình hình kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP hằng năm, Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 về Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với tần suất hằng tháng, quý, năm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 01/NQ-CP: Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân; - Nghị quyết số 02/NQ-CP: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh; - Quyết định số 288/QĐ-TTg: Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số 		Thường xuyên



Phụ lục V

**DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, DỮ LIỆU ƯU TIÊN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN NĂM 2024 - 2025
PHỤC VỤ CÔNG TÁC, CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số 2500 /QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
A. Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ					
I	Chỉ số giá				
1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng (so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước)	Cả nước	Tháng	11 nhóm hàng chính	Tổng cục Thống kê
2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước	Cả nước	Tháng	11 nhóm hàng chính	Tổng cục Thống kê
3	Chỉ số giá vàng (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)	Cả nước	Tháng		Tổng cục Thống kê
4	Chỉ số giá đô la Mỹ (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)	Cả nước	Tháng		Tổng cục Thống kê
5	Lạm phát cơ bản (so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)	Cả nước	Tháng		Tổng cục Thống kê
II	Kế hoạch và Đầu tư				
1	Doanh nghiệp (đang hoạt động; thành lập mới; số vốn đăng ký; quay trở lại hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; chờ làm thủ tục giải thể; giải thể...)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Ngày/ Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh
3	Đấu thầu (tổng số gói thầu, tổng giá trị trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Cục Quản lý đấu thầu

STT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
5	Hợp tác xã, kinh tế tập thể (<i>đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể</i>)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế	Cục Phát triển hợp tác xã
7	Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (<i>thành lập, điều chỉnh; thu hút đầu tư; đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo vệ môi trường; tình hình sản xuất kinh doanh...</i>)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư	Vụ Quản lý khu kinh tế
9	Đầu tư nước ngoài (<i>vốn thực hiện; tình hình sản xuất kinh doanh; đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, điều chỉnh vốn, góp vốn mua cổ phần...</i>)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, thành phố	Cục Đầu tư nước ngoài
11	Đầu tư ra nước ngoài (<i>đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, tặng vốn...</i>)	Cả nước	Tháng	Phân ngành kinh tế/Nước tiếp nhận đầu tư	Cục Đầu tư nước ngoài
13	Dự án đầu tư công (<i>số lượng dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân theo dự án...</i>)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế	Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân
III	Công Thương				
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành cấp 2 VSIC, tỉnh, thành phố	Tổng cục Thống kê
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Cả nước	Tháng	Sản phẩm	Tổng cục Thống kê
IV	Nông nghiệp				
1	Sản lượng lúa	Cả nước	Quý	Cả nước/Tỉnh, thành phố	Tổng cục Thống kê

STT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
V	Các ngành dịch vụ				
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lữ hành, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác</i>)	Cả nước	Tháng	Nhóm hàng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
2	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)	Trong nước/ Ngoài nước	Tháng	Phương thức vận tải	Tổng cục Thống kê
3	Vận tải hàng hóa (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)	Trong nước/ Ngoài nước	Tháng	Phương thức vận tải	Tổng cục Thống kê
4	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Cả nước/ tỉnh, thành phố	Tháng		Tổng cục Thống kê
B. Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm					
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GRDP của các địa phương	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
2	GDP bình quân đầu người; GRDP bình quân đầu người	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Năm		Tổng cục Thống kê
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	Cả nước	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	Cả nước	Tháng/Năm		Tổng cục Thống kê
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	Cả nước	Năm		Tổng cục Thống kê

STT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	Cả nước	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	Cả nước	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	Cả nước	Quý/Năm		
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	Cả nước	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Cả nước	Năm	Cả nước/dân tộc thiểu số	Tổng cục Thống kê
10	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Cả nước	Năm		Vụ Quản lý khu kinh tế
C. Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn					
1	Các thông tin về dân sinh - kinh tế (<i>dân cư, nhà ở, đất diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, số hộ thiếu đói...</i>)	Cả nước/ Tỉnh thành phố	Tháng/Quý/ Năm	Cả nước	Tổng cục Thống kê



Phụ lục VI
DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số 250/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Các đơn vị thuộc Bộ		
1.1		Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.	
1.2		Phổ biến quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, hướng dẫn về chuyển đổi số để nâng cao nhận thức và vai trò của chuyển đổi số.	
1.3		Nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ và Bộ trưởng với tinh thần quyết tâm cao nhất để hoạt động chuyển đổi số tại Bộ thực chất và đạt hiệu quả.	
1.4		Thực hiện nghiêm quy chế đảm bảo an toàn, an ninh mạng máy tính của Bộ. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản nội quy sử dụng máy tính độc lập trong việc soạn thảo văn bản có nội dung chứa bí mật nhà nước. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế nội bộ về quản lý, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.	
1.5		Các đơn vị cung cấp, quản lý thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến thực hiện tái cấu trúc quy trình và các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình với các thủ tục hành chính đủ điều kiện.	
1.6		Khi thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công tại các cơ quan, cần thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo trực tuyến trên các hệ thống liên quan theo quy định của pháp luật.	
1.7		Sử dụng thống nhất các hệ thống, nền tảng dùng chung của Bộ: Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu; Nền tảng số quản trị tổng thể; Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Nền tảng họp trực tuyến; Hệ thống thông tin báo cáo; Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.	
1.8		Tham gia các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCS).	
1.9		Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tại Kế hoạch hoạt động của UBQG về chuyển đổi số.	
1.10		Tổ chức thực hiện Đề án Chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi được ban hành.	
1.11		Tổ chức thực hiện Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ,	

		Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030. (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).	
1.12		Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các biểu mẫu báo cáo, chuẩn hóa chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Gửi kết quả chuẩn hóa về Văn phòng Bộ để tổng hợp.	
2	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số		
2.1		Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:	
2.1.1		1.1. Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số năm 2025.	
2.1.2		1.2. Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Bộ.	
2.1.3		1.3. Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.	
2.1.4		2.1. Rà soát, ban hành danh mục dữ liệu mở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông).	
2.1.5		2.2. Duy trì, triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.	
2.1.6		3.1. Đảm bảo hoạt động ổn định của Hạ tầng mạng LAN, WAN, Internet, Trung tâm dữ liệu, Trung tâm điều hành, hệ thống điện toán đám mây. Thuê dịch vụ Trung tâm dữ liệu.	
2.1.7		3.2. Đảm bảo việc ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ.	
2.1.8		3.3. Đảm bảo hoạt động Hệ thống mạng liên thông giữa hệ thống mạng của Bộ với các hệ thống mạng của các cơ quan qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Chính phủ phục vụ hệ thống Hội nghị truyền hình Chính phủ; Kết nối trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); Kết nối mạng CPNET; Kết nối hệ thống mạng NDXP; kết nối hệ thống mạng với Bộ, ngành, địa phương khác.	
2.1.9		3.4. Triển khai hoàn thành toàn bộ ứng dụng Internet thế hệ mới (IPv6).	
2.1.10		3.5. Khắc phục sự cố, bảo trì, bảo dưỡng, cài đặt cấu hình, sửa chữa, thay thế thiết bị, linh kiện máy tính, máy in đảm bảo trang thiết bị, phương tiện làm việc cho CBCCVC.	
2.1.11		3.6. Hoàn thiện hạ tầng IoT hạ tầng giám sát vào ra, điểm danh tích hợp, hệ thống kết nối mạng không dây trong toàn bộ cơ quan Bộ.	
2.1.12		3.7. Hoàn thiện Kho dữ liệu tập trung kết nối tất cả các thông tin dữ liệu của Bộ về phục vụ việc phân tích dữ liệu lớn.	

2.1.13		4.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân lực của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn, an ninh mạng để tăng cường thực hiện nhiệm vụ, giải pháp mới về chuyển đổi số, tăng cường lực lượng bảo vệ an ninh mạng của Bộ.	
2.1.14		4.2. Cử cán bộ đại diện tham gia các Chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ Chuyên gia Chính phủ điện tử, Chuyên gia Chuyển đổi số; tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.	
2.1.15		4.3. Chủ động nghiên cứu, hợp tác, phát triển nguồn nhân lực hiện có để làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới.	
2.1.16		4.4. Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo, cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn, an ninh mạng, công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn, an ninh mạng.	
2.1.17		4.5. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.	
2.1.18		4.6. Duy trì tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ.	
2.1.19		4.7. Tham gia các khóa đào tạo về nâng cao nhận thức chuyển đổi số hỗ trợ triển khai Đề án 06 .	
2.1.20		4.8. Triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCS) của Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
2.1.21		4.9. Tiếp cận và sử dụng các nền tảng số và bộ công cụ sử dụng thống nhất toàn quốc phục vụ quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số.	
2.1.22		5.1. Tiếp tục hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương cập nhật, giao, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025; lập, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, kế hoạch hằng năm năm 2026.	
2.1.23		5.2. Đảm bảo hoạt động ổn định và hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty sử dụng hệ thống Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư. Hoàn thiện Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư, triển khai trên toàn quốc: Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử theo quy định	

2.1.24		5.5. Thực hiện nâng cấp, bổ sung các chức năng của Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa và tin học hóa các nghiệp vụ quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài; đảm bảo quy định về cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài.	
2.1.25		5.6. Tự thực hiện hoặc thuê tư vấn xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt dự án Nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (bao gồm: Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trong nước; Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; Hệ thống thông tin quốc gia về xúc tiến đầu tư; Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế).	
2.1.26		5.8. Duy trì hoạt động Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch đáp ứng các nhu cầu tối thiểu của công tác lập quy hoạch trong thời kỳ mới. Thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Hệ thống mới.	
2.1.27		5.9. Duy trì Công dữ liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tất cả người dân và doanh nghiệp sử dụng, xây dựng quy trình cung cấp dữ liệu để đảm bảo phân biệt được các đối tượng sử dụng dữ liệu.	
2.1.28		5.13. Tiếp tục triển khai và hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ: Chuẩn hóa, điện tử hóa các biểu mẫu và tiếp tục gửi, nhận báo cáo qua Hệ thống theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT, Quyết định số 2399/QĐ-BKHĐT.	
2.1.29		5.14. Tiếp tục triển khai và hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ. Triển khai Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.	
2.1.30		5.15. Tiếp tục triển khai Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ.	
2.1.31		5.16. Tiếp tục triển khai nền tảng dữ liệu số của Bộ phục vụ quản lý, điều hành: Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; Xây dựng hoặc nâng cấp Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.	
2.1.32		5.17. Triển khai xây dựng Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia.	
2.1.33		5.18. Triển khai Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.	
2.1.34		6.1. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho Hệ thống mạng, Trung tâm dữ liệu, Trung tâm điều hành, các nền tảng số, Kho dữ liệu, Nền tảng hợp chia sẻ dữ liệu, Nền tảng hợp trực tuyến, Hệ thống giám sát vào ra, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thư điện tử, Các Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu.	

2.1.35		6.2. Rà soát, cập nhật và trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định mới và thực hiện triển khai ngay phương án sau khi được phê duyệt.	
2.1.36		6.3. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật và của Bộ.	
2.1.37		6.4. Giám sát an toàn, an ninh mạng thông qua Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng của Bộ, đảm bảo kết nối đầy đủ với Trung tâm giám sát an toàn thông tin quốc gia.	
2.1.38		6.5. Thực hiện diễn tập ứng cứu sự cố định kỳ, đột xuất.	
2.1.39		6.6. Thực hiện việc kiểm tra bảo mật phần mềm, ứng dụng, hệ thống thông tin trước khi đưa vào sử dụng.	
2.1.40		6.7. Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn, an ninh mạng.	
2.1.41		6.8. Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.	
2.1.42		7.1. Hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hoạt động của UBQG về chuyển đổi số.	
2.1.43		Phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	
2.1.44		7.3. Duy trì hoạt động ổn định nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ, đảm bảo quản lý thông nhất tất cả việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các thông thống thông tin cơ sở dữ liệu thuộc Bộ qua trục.	
2.1.45		7.4. Triển khai hệ thống kho dữ liệu và hệ thống phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung.	
2.1.46		7.5. Triển khai Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn bộ, ngành phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của Bộ bao gồm cả phiên bản trên công nội bộ và trên thiết bị di động.	
2.1.47		7.6. Triển khai nền tảng hợp trực tuyến.	
2.1.48		7.7. Triển khai Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đầu tư công, giám sát đầu tư, đấu thầu, đăng ký kinh doanh, đầu tư nước ngoài, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo và trong An toàn, an ninh mạng.	

2.1.49		7.8. Triển khai việc tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp vào các hệ thống thông tin Đấu thầu qua mạng, Đăng ký kinh doanh, Đầu tư nước ngoài, Đầu tư công, Giám sát đầu tư.	
2.1.50		7.9. Triển khai việc tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức vào các ứng dụng quản lý, điều hành của Bộ.	
2.1.51		7.10. Triển khai các nền tảng dữ liệu số của ngành đã nêu trên.	
2.1.52		8.1. Xây dựng Kế hoạch hưởng ứng ngày Chuyển đổi số của Bộ và quốc gia năm 2025.	
2.1.53		8.2. Tiếp tục phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chia sẻ kinh nghiệm, bài toán chuyển đổi số trong ngành Kế hoạch và Đầu tư.	
2.1.54		8.3. Tiếp tục triển khai chuyên trang chuyên đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
2.1.55		8.4. Phổ cập kỹ năng chuyển đổi số tới công chức viên chức và người lao động.	
2.1.56		8.6. Tiếp tục thực hiện đánh giá chỉ số chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc Bộ.	
2.2		Phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	
3	Tổng cục Thống kê		
3.1		Chủ trì xây dựng, triển khai các Dự án, nhiệm vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng trong lĩnh vực thống kê.	
3.2		Chuẩn hóa 100% biểu mẫu được phân công theo Quyết định số 293/QĐ-TTg và thực hiện nhập dữ liệu sau khi được điện tử hóa lên Hệ thống thông tin báo cáo.	
3.3		Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ:	
3.3.1		2.4. Triển khai thực hiện Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số.”	
3.3.2		3.8. Nâng cấp, mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng lộ trình chuyển đổi số trong công tác thống kê.	
3.3.5		5.11. Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương.	
3.3.6		5.12. Triển khai xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử.	
4	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh		
4.1		Chủ trì thực hiện nhiệm vụ: 5.3. Thực hiện duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Đảm bảo hoạt động ổn định Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; thuê dịch	

		vụ công nghệ thông tin; nâng cấp, mở rộng phần mềm ứng dụng; nâng cấp, phát triển và tái kiến trúc phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Tích hợp, chia sẻ thông tin theo thời gian thực với các hệ thống thuế, dân cư, các hệ thống của địa phương và các hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành. Việc chia sẻ, tích hợp dữ liệu thực hiện thông qua Trục tích hợp dữ liệu của Bộ tới NDXP.	
4.2		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện các nhiệm vụ:	
4.2.1		7.7. Triển khai Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đầu tư công, giám sát đầu tư, đấu thầu, đăng ký kinh doanh, đầu tư nước ngoài, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo và trong An toàn, an ninh mạng.	
4.2.2		7.8. Triển khai việc tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp vào các hệ thống thông tin Đấu thầu qua mạng, Đăng ký kinh doanh, Đầu tư nước ngoài, Đầu tư công, Giám sát đầu tư.	
4.3		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện các nhiệm vụ:	
4.3.1		2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).	
4.3.2		7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	
5	Cục Đầu tư nước ngoài		
5.1		Chủ trì thực hiện nhiệm vụ: 5.4. Tiếp tục hỗ trợ việc quản lý đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại Việt Nam đối với cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.	
5.2		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện các nhiệm vụ:	
5.2.1		7.7. Triển khai Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đầu tư công, giám sát đầu tư, đấu thầu, đăng ký kinh doanh, đầu tư nước ngoài, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo và trong An toàn, an ninh mạng.	
5.2.2		7.8. Triển khai việc tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp vào các hệ thống thông tin Đấu thầu qua mạng, Đăng ký kinh doanh, Đầu tư nước ngoài, Đầu tư công, Giám sát đầu tư.	
5.3		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện các nhiệm vụ:	
5.3.1		2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).	
5.3.2		7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	

6	Cục Quản lý đầu thầu	
6.1		Chủ trì thực hiện nhiệm vụ: 5.7. Đảm bảo hoạt động ổn định và hoàn thiện Hệ thống mới do nhà đầu tư PPP xây dựng đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu.
6.2		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện các nhiệm vụ:
6.2.1		7.7. Triển khai Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đầu tư công, giám sát đầu tư, đầu thầu, đăng ký kinh doanh, đầu tư nước ngoài, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo và trong An toàn, an ninh mạng.
6.2.2		7.8. Triển khai việc tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp vào các hệ thống thông tin Đầu thầu qua mạng, Đăng ký kinh doanh, Đầu tư nước ngoài, Đầu tư công, Giám sát đầu tư.
6.3		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện các nhiệm vụ:
6.3.1		2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).
6.3.2		7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
7	Cục Phát triển doanh nghiệp	
7.1		Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ:
7.1.1		2.5. Hoàn thiện Đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.
7.1.2		5.10. Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp.
7.2		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện các nhiệm vụ:
7.2.1		2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).
7.2.2		7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
8	Cục Kinh tế hợp tác	
8.1		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện các nhiệm vụ:
8.1.1		2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).
8.1.2		7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
9	Vụ Tổng hợp Kinh tế quốc dân	
9.1		Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình lập, tổng hợp, giao, điều chỉnh, kéo dài, báo cáo kế hoạch đầu tư công trên Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công.

9.2		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 5.1. Tiếp tục hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương cập nhật, giao, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025; lập, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, kế hoạch hằng năm năm 2026.	
9.3		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).	
10	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư		
10.1		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong việc triển khai Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư trong công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.	
10.2		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).	
11	Vụ Quản lý quy hoạch		
11.1		Nghiên cứu dự thảo Thông tư về việc thu thập, cập nhật, xử lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.	
11.2		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 5.8. Duy trì hoạt động Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch đáp ứng các nhu cầu tối thiểu của công tác lập quy hoạch trong thời kỳ mới. Thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Hệ thống mới.	
12	Vụ Quản lý các khu kinh tế		
12.1		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ 5.6. Tự thực hiện hoặc thuê tư vấn xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt dự án Nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (bao gồm: Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trong nước; Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; Hệ thống thông tin quốc gia về xúc tiến đầu tư; Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế).	
13	Vụ Kinh tế nông nghiệp		
13.1		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).	
14	Văn phòng Bộ		

14.1		Đôn đốc, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ đẩy nhanh tiến độ xây dựng các biểu mẫu báo cáo, chuẩn hóa chế độ báo cáo; chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ rà soát công bố các chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.	
14.2		Đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ đôn đốc, tổng hợp kết quả chung của các nhiệm vụ:	
14.2.1		2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).	
14.2.2		7.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	
14.3		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện các nhiệm vụ:	
14.3.1		2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).	
14.3.2		5.14. Tiếp tục triển khai và hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ. Triển khai Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.	
14.3.3		5.15. Tiếp tục triển khai Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ.	
14.3.4		5.16. Tiếp tục triển khai nền tảng dữ liệu số của Bộ phục vụ quản lý, điều hành: Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; Xây dựng hoặc nâng cấp Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.	
15	Vụ Tổ chức cán bộ		
15.1		Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ lồng ghép kết quả đánh giá chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, thi đua khen thưởng.	
15.2		Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	
15.3		Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện các nhiệm vụ:	
15.3.1		4.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân lực của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn, an ninh mạng để tăng cường thực hiện nhiệm vụ, giải pháp mới về chuyển đổi số, tăng cường lực lượng bảo vệ an ninh mạng của Bộ.	

15.3.2		4.2. Cử cán bộ đại diện tham gia các Chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ Chuyên gia Chính phủ điện tử, Chuyên gia Chuyển đổi số; tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.	
15.3.3		4.3. Chủ động nghiên cứu, hợp tác, phát triển nguồn nhân lực hiện có để làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới.	
15.3.4		4.4. Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo, cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn, an ninh mạng, công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn, an ninh mạng.	
15.3.5		4.5. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.	
15.3.6		4.6. Duy trì tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ.	
15.3.7		4.7. Tham gia các khóa đào tạo về nâng cao nhận thức chuyển đổi số hỗ trợ triển khai Đề án 06.	
15.3.8		4.8. Triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCS) của Bộ Thông tin và Truyền thông ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
15.3.9		4.9. Tiếp cận và sử dụng các nền tảng số và bộ công cụ sử dụng thống nhất toàn quốc phục vụ quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số.	
15.3.10		5.16. Tiếp tục triển khai nền tảng dữ liệu số của Bộ phục vụ quản lý, điều hành: Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; Xây dựng hoặc nâng cấp Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.	
16	Vụ Pháp chế		
16.1		Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ 2.3. Rà soát, tăng cường các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hóa, đơn giản hóa, số hóa quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).	
17	Học viện Chính sách và Phát triển		
17.1		Chủ trì thực hiện nhiệm vụ 1.4. Xây dựng Đề án chuyển đổi số của Học viện Chính sách và Phát triển.	
17.2		Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư Dự án Chuyển đổi số Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030.	